

Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản phẩm



1. NHẬN DẠNG VẬT LIỆU VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm:	RP7
Khuyến cáo sử dụng:	Chai xịt dung dịch bôi trơn và xuyên thấm, loại bỏ/tách nước ra để giúp khởi động lại động cơ bị thấm ướt, bu-lông và ốc vít bị lỏng và tháo khóa gỉ sét.
Nhà cung cấp:	Selleys Australia, thuộc Tập đoàn DuluxGroup (Australia) PTY Ltd.
ABN:	67 000 049 427
Địa chỉ đường:	1 Gow Street Padstow 2211, Úc
Số điện thoại:	+61 2 9781 8777
Số fax:	+61 2 9781 8825
Số điện thoại khẩn cấp:	1 800 033 111 (24/24)

2. NHẬN DẠNG NGUY HẠI

Vật liệu này là nguy hại theo như chỉ tiêu của Luật An toàn lao động Úc; **CHẤT NGUY HẠI**.

Được phân loại như là Hàng Hóa Nguy Hiểm bởi chỉ tiêu của Bộ Luật Hàng Hóa Nguy Hiểm Úc (ADG Code) đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt; **HÀNG HÓA NGUY HIỂM**.

Từ chỉ rủi ro:	Cực kỳ dễ cháy/bắt lửa. Nguy hại: Có thể gây thương tổn phổi nếu nuốt phải.
Từ chỉ an toàn:	Nếu nuốt phải, không được cố nôn; đến cơ sở y tế và mang theo bình chứa hoặc nhãn sản phẩm.
Danh mục chất độc:	Không được chỉ định.

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN RANH2 PHẦN

Thành phần	Số CAS	Tỉ lệ	Mã rủi ro
Xăng trắng (Dung môi Stoddard)	8052-41-3	30-60%	R65
Butane	106-97-8	10-<30%	R12
Propane	74-98-6	10-<30%	R12
Nguyên liệu được xác định không độc hại	-	đến 100%	-

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Lời khuyên, nên liên hệ Trung tâm Thông tin về Chất độc (vd: Số điện thoại ở Úc: 131 126; ở New Zealand: 0800 764 766) hoặc liên hệ bác sĩ.

Hít phải:

Đưa nạn nhân ra khỏi vùng phơi nhiễm. Thải bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và cởi bỏ quần áo còn lại. Giữ người bệnh ở tư thế thoải mái nhất và giữ ấm. Giữ như vậy cho đến khi bình phục hoàn toàn. Nếu bệnh

Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản phẩm



nhân cảm thấy khó thở và phát triển triệu chứng sự chuyển xanh màu da (biểu hiện của việc thiếu oxy trong máu - chứng xanh tím da), đảm bảo rằng đường hàng không không có bất kỳ sự tắc nghẽn nào và có người hỗ trợ cho việc cung cấp khí oxy cho bệnh nhân thông qua khẩu trang. Áp dụng hô hấp nhân tạo nếu bệnh nhân ngừng thở. Tham khảo lời khuyên y tế ngay lập tức.

Tiếp xúc với da:

Nếu xảy ra tiếp xúc với da, vứt bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn và rửa sạch da với nước. Nếu xảy ra kích ứng tham khảo lời khuyên y tế.

Tiếp xúc với mắt:

Nếu tiếp xúc mắt, rửa sạch ngay với nước. Trong mọi trường hợp bị nhiễm vào mắt thì tham khảo lời khuyên y tế là một sự phòng ngừa hợp lý.

Tiêu hóa:

Súc miệng với nước. Nếu nuốt phải, không tự ép nôn. Uống một cốc nước. Tham khảo lời khuyên y tế.

Lưu ý y tế và điều trị đặc biệt:

Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Nguy hại từ các sản phẩm bắt cháy:

Khí dễ cháy. Khi cháy sẽ tạo ra khí bụi độc hại.

Phòng ngừa cho lính cứu hỏa và thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Gia nhiệt có thể gây ra lan rộng hoặc sự phân hủy của vật liệu, dẫn đến phát nổ vật chứa. Nếu muốn an toàn hơn, hãy loại bỏ vật chứa ra khỏi lửa. Dùng nước phun chữa cháy để làm mát vật chứa. Lính cứu hỏa cần mang thiết bị thở độc lập và các quần áo bảo hộ phù hợp nếu rủi ro phơi nhiễm với hơi hoặc các sản phẩm sinh ra từ đám cháy.

Phương tiện chữa cháy thích hợp:

Bình xịt nước, bột thông thường, hóa chất khô (CO₂, bột hóa học khô)

Mã Hazchem: 2YE

6. BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ TAI NẠN

Biện pháp và vật liệu dùng cho ngăn chặn và làm sạch:

Dập tắt tất cả các nguồn có khả năng gây cháy. Trong trường hợp khí xuất hiện rò rỉ, phải xả hoàn toàn trong không khí trước khi thải bỏ.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Điều kiện để bảo quản an toàn:

Lưu giữ ở nơi thoáng mát và tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản ở nơi tránh xa khỏi các nguồn nhiệt hoặc gây bắt lửa. Tránh xa các tác nhân oxy hóa. Giữ cho vật chứa đóng kín khi không dùng đến – kiểm tra thường xuyên sự rò rỉ.

Phòng ngừa để xử lý an toàn:

Tránh tiếp xúc với da và mắt và hít phải hơi bốc lên, sương mù hoặc khí. Đảm bảo vòi phun luôn luôn cách xa với người sử dụng. Có thể tạo nên hỗn hợp hơi dễ cháy với không khí. Tất cả các nguồn có khả năng

gây cháy (ngọn lửa trần, đèn hoa tiêu, lò nung, tia lửa tạo ra từ các công tắc và thiết bị điện,...) buộc phải bị loại bỏ cả bên trong và gần các khu làm việc. KHÔNG hút thuốc. Hơi có thể di chuyển một khoảng cách đáng kể đến nguồn đánh lửa và phát sáng trở lại.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp: Không có giá trị được quy định cho vật liệu cụ thể này theo Ủy ban An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia. Tuy nhiên, Tiêu chuẩn phơi nhiễm cho mỗi phần tử:

Butane: 8 giờ TWA = 1900 mg/m³ (800 ppm)

Propane: Chất làm ngạt

Linh hồn trắng: 8 giờ TWA = 790 mg/m³

Theo như công bố của Ủy ban An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia.

Không có Tiêu chuẩn Phơi nhiễm nào được chỉ định cho các thành phần cấu tử khác.

TWA – Trọng số Thời gian Trung bình nồng độ trong không khí trong ngày làm việc 8 tiếng, làm việc trong vòng 5 ngày một tuần, tính theo toàn bộ thời gian làm việc trong đời.

Chất làm ngạt - loại khí có thể dẫn đến giảm nồng độ oxy bằng cách thay thế hoặc làm loãng. Lượng oxy tối thiểu trong không khí nên chiếm từ 18% thể tích, dưới điều kiện áp suất khí quyển thông thường.

Các Tiêu chuẩn Phơi nhiễm này được hướng dẫn để sử dụng trong việc kiểm soát các mối nguy đối với sức khỏe nghề nghiệp. Tất cả sự nhiễm bẩn vào khí quyển nên được giữ ở mức thấp nhất trong tầm khả năng thực hiện được. Các Tiêu chuẩn Phơi nhiễm này không nên sử dụng để làm đường phân chia giữa nồng độ an toàn và nguy hiểm của hóa chất. Chúng không phải là thước đo độc tính tương đối.

Kiểm soát Kỹ thuật:

Đảm bảo sự thoáng khí đầy đủ và thành phần nồng độ không khí được kiểm soát theo trích dẫn của Tiêu chuẩn Phơi nhiễm. Sử dụng trong khu vực thông thoáng tốt. Giữ vật dụng đóng kín khi không dùng đến. Khí làm ngạt có thể dẫn đến làm thay thế hoặc làm loãng khí oxy. Lượng oxy tối thiểu trong không khí nên chiếm từ 18% thể tích, dưới điều kiện áp suất khí quyển thông thường.

Thiết bị Bảo hộ Cá nhân:

Việc lựa chọn Thiết bị Bảo hộ Cá nhân dựa trên đánh giá chi tiết rủi ro. Đánh giá rủi ro nên cân nhắc vào tình huống làm việc, trạng thái vật lý của hóa chất, biện pháp xử lý, và yếu tố môi trường.

Quy tắc xử lý an toàn của nhà máy Selleys: Xanh lá cây



SẢN XUẤT, ĐÓNG GÓI VÀ VẬN CHUYỂN: Màu xanh lá cây - Mặc bộ quần áo bảo hộ lao động (hoặc quần dài và áo tay dài 'được cấp'), ủng bảo hộ, găng tay và kính bảo hộ. Luôn rửa tay trước khi hút thuốc, ăn uống hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn và rửa sạch thiết bị bảo hộ khác trước khi cất hoặc sử dụng lại..

Đối với việc rò rỉ sol khí: Mặc bộ quần áo bảo hộ lao động (hoặc quần dài và áo tay dài 'được cấp'),

Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản phẩm



mang giày bảo hộ, bao tay và màn chắn mặt hoặc kính bảo hộ hóa chất. Nếu tồn tại rủi ro hít phải, mang mặt nạ phòng độc dạng hơi/ hạt cấu từ đáp ứng các yêu cầu của AS/NZS 1715 và AS/NZS 1716.

ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG: Sử dụng với sự thoáng khí đầy đủ. Không yêu cầu các thiết bị bảo hộ cá nhân đặc biệt nào.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý:	Sol khí
Mùi:	Hydrocarbon
Khả năng tan:	Không tan trong nước.
Trọng lượng riêng:	0.71 ở 20°C
Mật độ Hơi tương đối (Không khí=1):	Không áp dụng
Áp suất Hơi (20 °C):	Không áp dụng
Điểm bắt cháy (°C):	Không áp dụng
Giới hạn khả năng bốc cháy (%):	Không áp dụng
Nhiệt độ tự bốc cháy (°C):	Không áp dụng
% Bay hơi theo Khối lượng:	84
Nhiệt độ/Dải nóng chảy (°C):	Không áp dụng
Nhiệt độ/Dải sôi (°C):	Không áp dụng
Nhiệt độ phân hủy (°C):	Không áp dụng
pH:	Không áp dụng
Độ nhớt:	Không áp dụng
Tỉ lệ bay hơi:	Không áp dụng

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Độ ổn định hóa học:	Ổn định dưới điều kiện sử dụng bình thường
Điều kiện tránh tiếp xúc:	Tránh tiếp xúc với thực phẩm. Tránh tiếp xúc với nhiệt, nguồn bắt cháy, và ngọn lửa trần.
Các hóa chất không tương thích:	Không tương thích với các tác nhân oxy hóa.
Sản phẩm phân hủy độc hại:	Oxit của cacbon
Phản ứng nguy hiểm:	Không biết

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Không có tác dụng phụ đối với sức khỏe nếu sản phẩm được xử lý theo như Bảng Dữ liệu An toàn này và hướng dẫn trên nhãn. Triệu chứng hoặc ảnh hưởng có thể tăng lên nếu sản phẩm không được xử lý và xảy ra phơi nhiễm:

Tiêu hóa:	Nuốt phải có thể gây buồn nôn, ói mửa và làm trì trệ hệ thống thần kinh trung tâm. Nếu nạn nhân có các dấu hiệu ức chế hệ thần kinh trung ương (tương tự các dấu hiệu say rượu), nạn nhân có khả năng cao sẽ hít phải các chất nôn và gây tổn hại đến phổi.
Tiếp xúc với mắt:	Có thể gây kích ứng mắt
Tiếp xúc với da:	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng, tác dụng tẩy nhờn lên da Việc tiếp xúc liên tục và kéo dài có thể dẫn đến bệnh viêm da tiếp xúc kích thích.

Hít phải:

Hít phải hơi có thể gây ra đau đầu, chóng mặt, uể oải và có thể buồn nôn. Hít phải ở nồng độ cao có thể gây ức chế hệ thần kinh trung ương, dẫn đến việc mất khả năng phối hợp, suy giảm khả năng phán đoán và nếu việc phơi nhiễm này còn kéo dài sẽ dẫn đến việc nạn nhân mức ý thức. Việc chú ý lạm dụng do tập trung và hít phải hàm lượng có chủ đích có thể gây nguy hại hoặc tử vong.

Ảnh hưởng lâu dài:

Không có dữ liệu cho sản phẩm này.

Dữ liệu độc tính học:

Không có thông tin về LD50 cho sản phẩm này

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái:

Tránh làm ô nhiễm nguồn nước.

13. CÂN NHẮC XỬ LÝ

Biện pháp xử lý:

Xin ý kiến Cơ quan Quản lý Chất thải. Thông báo bản chất dễ cháy. Không đâm thủng hoặc đốt cháy hộp chứa khi dùng hết; hàm lượng bên trong dưới áp lực cao. Nếu vỏ của sol khí có xuất hiện rò rỉ, phải xả ra hết trước khi vứt bỏ. Thông thường phù hợp với việc loại bỏ ở khu vực rác thải được cấp phép.

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Vận chuyển đường bộ và đường sắt:

Được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Luật Hàng hóa Nguy hiểm Úc (Luật ADG) đối với Vận chuyển bằng Đường bộ và Đường sắt; HÀNG HÓA NGUY HIỂM.



Số UN: 1950
Hạng chính: 2.1 Khí dễ cháy
Tên vận chuyển riêng: SOL KHÍ
Mã Hazchem: 2YE

Vận chuyển hàng hải:

Được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Bộ Luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển (IMDG); HÀNG HÓA NGUY HIỂM.

Số UN: 1950
Hạng chính: 2.1 Khí dễ cháy
Tên vận chuyển riêng: SOL KHÍ

Trang 5/6

Tên sản phẩm: RP7

Mã số hóa chất: 000703534601

Ngày phát hành: 10/02/2016

Phiên bản: 4

Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản phẩm



Vận chuyển hàng không:

Được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA); HÀNG HÓA NGUY HIỂM.

Số UN: 1950
Hạng chính: 2.1 Khí dễ cháy
Tên vận chuyển riêng: SOL KHÍ, DỄ CHÁY

15. THÔNG TIN QUẢN LÝ

Phân loại: Vật liệu này là độc hại theo như tiêu chuẩn của An toàn Lao động Úc; VẬT CHẤT NGUY HẠI.
Xếp hạng nguy hại: Có hại
Mã rủi ro: R12: Cực kỳ dễ cháy
R65: Có hại: Có thể gây thương tổn phổi nếu nuốt phải.
Mã An toàn: S62: Nếu nuốt phải, không tự cố nôn; tham khảo lời khuyên y tế ngay lập tức và đưa ra hộp chứa hoặc nhãn dán này.
Phụ lục chất độc: Không có chỉ định.

Tất cả thành phần của vật liệu này được liệt kê trong Bảng kiểm kê các Chất Hóa học của Úc (AICS)

16. THÔNG TIN KHÁC

Để biết thêm các bản sao của bảng này hoặc thông tin của các sản phẩm khác liên hệ đến Dịch vụ Khách hàng của Selleys.

SĐT: 1300 555 205 (Toàn nước Úc)
Fax: 1300 555 305 (Toàn nước Úc)
SĐT: 90800 735 539 (New Zealand)
Fax: 0800 804 583 (New Zealand)

Lý do Phát hành:

Thay đổi Công thức.

Bảng dữ liệu an toàn này được soạn thảo bởi SDS Services.

Bảng dữ liệu an toàn này tổng hợp dựa trên kiến thức của chúng tôi vào phiên bản mới nhất lúc phát hành, về các mối nguy hiểm về sức khỏe và an toàn hóa chất của vật liệu và hướng dẫn chung về cách xử lý an toàn vật liệu tại nơi làm việc. Vì DuluxGroup Limited không thể kiểm soát các điều kiện mà sản phẩm có thể được sử dụng, nên mỗi người dùng trước khi sử dụng phải đánh giá và kiểm soát các rủi ro phát sinh từ việc sử dụng các nguyên vật liệu.

Nếu cần làm rõ vấn đề gì hoặc cần thêm thông tin, người dùng nên liên hệ đại diện của DuluxGroup tại chi tiết liên hệ ở trang 1.

Trách nhiệm của DuluxGroup đối với các vật liệu được bán phải tuân theo các điều khoản và điều kiện kinh doanh, bản sao của tài liệu đó sẽ được cung cấp theo yêu cầu.